

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/DS-PT  
Ngày 30-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài  
*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng  
Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

- Ông Lê Văn H1, sinh năm 1968;
- Bà Võ Thị M, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: số ½ đường 1A, khu phố G, phường L, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Tào Quang T2, sinh năm 1958; địa chỉ: số 86, đường Nguyễn Thái H2, phường T3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/4/2022); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Đinh Quang Trọng L, sinh năm 1955 - Đoàn L Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 416/5, đường Dương Quảng H, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thanh T5, sinh năm 1969; địa chỉ: số 67/A2, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: số 175, đường Lê Văn V, khu phố 4, phường H2, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số 15, đường Trương Văn H2, khu phố 5, phường TB, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/3/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Khánh H3; địa chỉ: số 67/A2, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: số ½ đường 1A, phường L, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thanh T5.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn Ông Lê Văn H1 và Bà Võ Thị M trình bày:*

Ông Lê Văn H1 và Bà Võ Thị M có cho bà Trần Thanh T5 vay tiền rất nhiều lần, mỗi lần đến nhà ông H1, bà M vay tiền thì có con của bà T5 là Trương Khánh H3 và bạn của bà T5 đi cùng, cụ thể:

+ Ngày 05/8/2019, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 600.000.000 đồng, sau khi ký hợp đồng đã giao trực tiếp một lần bằng tiền mặt cho bà T5, có con trai bà T5 là ông H3 làm chứng, lãi suất tự thỏa thuận (bà T5 có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu). Khoảng 02 đến 03 tháng đầu thì bà T5 có đến trả tiền lãi khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, việc trả tiền lãi không lập biên nhận. Do thời gian đã lâu nên nguyên đơn không nhớ cụ thể đã nhận số tiền lãi bao nhiêu lần với tổng số tiền là bao nhiêu. Số tiền gốc thì bà T5 chưa trả.

+ Ngày 05/9/2019, nguyên đơn cho bà T5 vay số tiền 18.000.000 đồng, giao tiền mặt cho bà T5 có bà T6 (bạn bà T5) làm chứng, lãi suất tự thỏa thuận (bà T5 có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu). Do thời gian đã lâu nên nguyên đơn không nhớ cụ thể đã nhận số tiền lãi bao nhiêu lần, tổng số tiền là bao nhiêu.

+ Ngày 11/9/2019, nguyên đơn cho bà T5 vay số tiền 36.000.000 đồng, giao tiền mặt cho bà T5, lãi suất tự thỏa thuận (bà T5 có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu). Do thời gian đã lâu nên nguyên đơn không nhớ cụ thể đã nhận số tiền lãi bao nhiêu lần, tổng số tiền là bao nhiêu.

+ Ngày 05/10/2019, nguyên đơn cho bà T5 vay số tiền 90.000.000 đồng, giao tiền mặt cho bà T5, lãi suất tự thỏa thuận (bà T5 có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu). Do thời gian đã lâu nên nguyên đơn không nhớ cụ thể đã nhận số tiền lãi bao nhiêu lần, tổng số tiền là bao nhiêu.

+ Ngày 30/10/2019, nguyên đơn cho bà T5 vay số tiền 250.000.000 đồng. Nguyên đơn giao tiền mặt cho bà T5, lãi suất tự thỏa thuận (bà T5 có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu). Do thời gian đã lâu nên nguyên đơn không nhớ cụ thể đã nhận số tiền lãi bao nhiêu lần, tổng số tiền là bao nhiêu.

Ngoài ra nguyên đơn còn cho bà T5 vay nhiều lần nữa nhưng không lập giấy tờ vay, không lập biên nhận. Đến ngày 03/02/2020, nguyên đơn chốt tiền nợ với bà T5 với tổng số tiền 1.192.900.000 đồng.

+ Ngày 09/02/2020, nguyên đơn cho bà T5 vay thêm số tiền 12.000.000 đồng, không lập giấy vay nhưng bà T5 ký xác nhận chốt số nợ đến ngày 09/02/2020 là 1.204.000.000 đồng.

+ Ngày 05/3/2020, nguyên đơn cho bà T5 vay thêm số tiền 39.000.000 đồng, không lập giấy vay nhưng bà T5 ký xác nhận chốt số nợ đến ngày 05/3/2020 là 1.243.000.000 đồng.

+ Ngày 02/4/2020, nguyên đơn cho bà T5 vay thêm số tiền 60.800.000 đồng và xác nhận thêm số tiền đã vay trước đó là 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn cho bà T5 vay là 1.333.800.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bị đơn vay tiền nên khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T5 trả số tiền gốc là 1.333.800.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà Trần Thanh T5 trình bày:*

Từ tháng 10/2019, bị đơn có vay tiền của bà M nhiều lần. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn xác định tính đến ngày 02/4/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 90.800.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Tính từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2021 thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 137.700.000 đồng, bị đơn trả tiền mặt, việc trả tiền lãi không lập biên bản nên không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Những lần vay tiền bị đơn trực tiếp đến nhà nguyên đơn để nhận tiền mặt. Mục đích vay để bị đơn sử dụng vào việc riêng, không sử dụng cho sinh hoạt gia đình hoặc chữa bệnh cho chồng, không cho chồng biết nên chồng của bị đơn không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Đối với các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có chữ ký, chữ viết họ tên của bà T5 là do bà T5 bị nguyên đơn đe dọa, ép buộc ký vào mà không đọc nội dung. Bị đơn ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 05/8/2019 nhưng thực tế chưa nhận số tiền 600.000.000 đồng. Do đó hợp đồng vay tiền này không phát sinh hiệu lực. Những chứng cứ còn lại thì trình tự thời gian bất nhất, liệt kê không đúng sự thật. Bị đơn không đồng ý về tổng số tiền đã vay và tổng số tiền như nguyên đơn yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn xác định tính đến ngày 02/4/2020 thì còn nợ của nguyên đơn số tiền 90.800.000 đồng, trong đó gồm: 60.800.000 đồng là tiền vay thêm và 30.000.000 đồng là tiền nợ cũ trước đây chưa trả. Do đó, bị đơn chỉ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 90.800.000 đồng. Đối với tiền lãi đã trả bị đơn không có yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Khánh H3 trình bày:*

Ông H3 có ký tên là người làm chứng vào hợp đồng vay tiền ngày 05/8/2019 và giấy đề ngày 30/10/2019 vì ông đi cùng mẹ (bà T5) đến nhà ông H1, bà M. Khi nguyên đơn đưa giấy ra bảo ký tên thì ông ký chứ ông không biết về nội dung thỏa thuận giữa các bên, ông cũng không chứng kiến việc giao nhận tiền. Đối với việc giải quyết tranh chấp trong vụ án ông đề nghị vắng mặt và giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N xác nhận đã nhiều lần gặp bà T5 đến nhà ông H1, bà M để mượn tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn H1 và Bà Võ Thị M đối với bà Trần Thanh T5 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Trần Thanh T5 phải thanh toán cho Ông Lê Văn H1 và Bà Võ Thị M số tiền 1.333.800.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/5/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Quá trình vay mượn tiền của bị đơn đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Không có chứng cứ gì chứng minh có sự đe dọa, ép buộc bị đơn phải ký xác nhận nợ vì bà T5 thừa nhận đã đến nhà của nguyên đơn rất nhiều lần. Nếu có sự đe dọa hay ép buộc thì bị đơn sẽ không đến nhà nguyên đơn nhiều lần như vậy. Hơn nữa nhiều lần ký giấy vay và xác nhận nợ có con của bà T5 và bạn của bà T5 ký tên là người làm chứng. Do đó, toàn bộ tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn là hợp pháp và đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Lê Văn H1 và Bà Võ Thị M khởi kiện bà Trần Thanh T5 yêu cầu trả số tiền vay 1.333.800.000 đồng được thể hiện tại các tài liệu giấy vay tiền sau:

Ngày 05/8/2019 vay 600.000.000 đồng; ngày 05/9 vay 18.000.000 đồng; ngày 11/9 vay 36.000.000 đồng; ngày 05/10/2019 vay 90.000.000 đồng; ngày 30/10/2019 vay 250.000.000 đồng.

Ngày 03/02/2020, bà T5 ký tên xác nhận số nợ là 1.192.900.000 đồng.

Đến ngày 09/02/2020, bà T5 ký xác nhận số nợ là 1.204.000.000 đồng;

Ngày 05/3/2020, bà T5 ký xác nhận số nợ là 1.243.000.000 đồng;

Ngày 02/4/2020, bà T5 vay thêm 60.800.000 đồng và xác nhận nợ cũ là 30.000.000 đồng.

Nguyên đơn xác định tổng số tiền nguyên đơn đã cho bà T5 vay là 1.333.800.000 đồng.

Bị đơn bà T5 cho rằng chỉ còn nợ của nguyên đơn số tiền 90.800.000 đồng được và bà T5 chốt lại ngày 02/4/2020.

[2] Xét giao dịch vay (mượn) tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được thể hiện tại các tài liệu do nguyên đơn cung cấp như sau: Tại bút lục 18, 19 bà Trần Thanh T5 ký tên và ghi họ tên Trần Thanh T5 vào tờ “*Hợp đồng vay tiền*” lập ngày 05/8/2019, có nội dung Bên A (Bên cho vay Lê Văn H1, Võ Thị M) cho Bên B (Bên vay Trần Thanh T5) vay số tiền 600.000.000 đồng, bản hợp đồng vay tiền có 02 tờ rời, bà T5 ký tên và ghi họ tên Trần Thanh T5 vào cuối tờ thứ hai của hợp đồng, không ký tên vào tờ thứ nhất; tại các bút lục 20, 21, 22 trên tờ giấy tập 5 ô ly màu xanh, ghi các dòng chữ như sau:

“11 tháng 9: đã tính là 36.000.000” “5/ tháng 9: đã tính là 18.000.000”  
Tổng cộng là: 54.000.000 (Năm mươi bốn triệu đồng)” ký tên “T6”

“5 tháng 10 chị T5 mượn số tiền là: 90.000.000 (chính mười triệu đồng) cuối dòng ký tên “Thủy” và viết họ tên “Trần Thanh T5”.

“Tổng cộng chị T5 đã mượn số tiền bằng số: 1.192.900.000 đ bằng chữ: (một tỷ một trăm chín hai triệu) cuối dòng chữ ký tên “T5” và ghi họ tên “Trần Thanh T5”.

“Hôm nay ngày 30 tháng 10 năm 2019 chị T5 có mượn thêm một số tiền là 250.000.000” (hai trăm năm mươi triệu đồng) sau khi bán được đất là chị T5 trả lại toàn bộ số tiền cho vợ chồng anh H1 và chị M” cuối dòng chữ bên nhận tiền ký tên “T6” và viết họ tên “Trần Thanh T5”.

“Hôm nay ngày 9 tháng 2 năm 2020 tôi tên Trần Thanh T5 sinh năm 1969 địa chỉ 67/A2 khu phố C, phường B, xã D, Bình Dương nay tôi có mượn của anh H1 và chị Võ Thị M một số tiền là: 1.204.000.000 đồng (một tỉ hai trăm lẻ bốn triệu đồng) người nhận ký tên “T5” và viết họ tên “Trần Thanh T5” người giao ký và viết họ tên “Lê Văn H1”.

“Tổng cộng số tiền là 1.243.000.000 đ (một tỉ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng) hôm nay ngày 5 tháng 3 năm 2020” cuối dòng chữ ký tên “T5” và viết họ tên “Trần Thanh T5”.

“2.4.2020 tính tiền chị T5 số tiền chị mượn thêm là 60.800.000 đ (Sáu mươi triệu tám trăm ngàn đồng) còn nợ lại tiền chị T5 mượn là 30.000.000 chưa tính (Ba mươi triệu)” cuối dòng chữ ký tên “T5” và viết họ tên “Trần Thanh T5”.

Bà T5 thừa nhận các chữ ký “T6” và viết tên “Trần Thanh T5” tại các tài liệu do nguyên đơn cung cấp là do bà T5 ký và viết ra là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T5 kháng cáo cho rằng, vào năm 2019 chỉ vay của ông H1, bà M số tiền 90.800.000 đồng được xác nhận vào ngày 02/4/2020; các khoản vay khác không nhận tiền mà do bà M bắt buộc bà T5 ký tên vào các giấy tờ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm (đối chất, hòa giải, phiên tòa), bà T5 trình bày từ năm 2019, bà T5 nhiều lần vay tiền của nguyên đơn, bà T5 vay tiền sử dụng cho việc riêng chứ không dùng để chữa bệnh cho chồng, tuy nhiên tại đơn kháng cáo bà T5 trình bày vay của nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng để trị bệnh cho chồng bị ung thư. Lời trình bày của bà T5 không thống nhất với nhau mà mâu thuẫn nhau về thời gian vay, và sử dụng tiền vay vào mục đích cụ thể; bà T5 cũng cho rằng do vay tiền sử dụng riêng nên sợ nguyên đơn đến nhà nói cho chồng biết, nên khi đến nhà nguyên đơn thì bà T5 ký tên vào các giấy tờ mà không cần đọc nội dung. Lời trình bày này là không phù hợp thực tế khách quan. Bởi, nếu sự thật bà T5 vay tiền chữa bệnh cho chồng mà nguyên đơn có đến nhà đòi tiền thì việc bà T5 vay tiền để chữa bệnh cho chồng là chính đáng, không phải lo sợ. Tại thời điểm năm 2019 bà T5 sinh năm 1969 là 50 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự, biết đọc, biết viết, có con ruột là ông Trương Khánh H3 tham gia chứng kiến 02 lần khi bà T5 vay tiền của nguyên đơn. Do đó, không có căn cứ chứng minh bà T5 bị ép buộc ký tên vào các khoản vay tiền tại các tài liệu của nguyên đơn cung cấp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, bà T5 xác nhận còn nợ ông H1, bà M số tiền là 1.243.000.000 đồng đến ngày 02 tháng 4 năm 2020, bà T5 vay thêm 60.800.000 đồng cộng với 30.000.000 đồng tiền vay chưa tính, tổng cộng 1.333.800.000 đồng là số tiền nợ của bà T5 đối với ông H1, bà M.

Bà T5 trình bày đến ngày 02/4/2020 chỉ còn nợ nguyên đơn 90.800.000 đồng, nhưng bà T5 không có chứng cứ chứng minh từ ngày 05/3/2020 đến ngày

02/4/2020, bà T5 đã trả tiền vay cho nguyên đơn chỉ còn lại 30.000.000 đồng và vay thêm 60.800.000 đồng, tổng cộng 90.800.000 đồng như trình bày của bà T5.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà T5 trả cho ông H1, bà M số tiền vay 1.333.800.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thanh T5.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thanh T5 phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003925 ngày 02/6/2022 của Chi cục T7 dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Tài**